TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI** Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST Ngày 08- 5 - 2026 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quốc Văn và ông Nguyễn Hải An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc *" Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi phiên toà số 144/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: T, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn E, xã I, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2026 và lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là xã I, tỉnh Quảng Ngãi) theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trường Giang P, sinh ngày 19/9/2012. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn giao cháu P cho anh G trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh G.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Trường G có ý kiến: Anh G và chị T kết hôn vào năm 2012, chung sống đến năm 2018 thì chị T bỏ đi cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh G đồng ý.

Về con chung: Anh G đồng ý nuôi cháu Nguyễn Trường Giang P và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy nhiên, vì lí do công việc anh G không thể đến Toà án làm việc nên anh đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Trường G có nơi cư trú tại thôn E Đ, xã I, tỉnh Quảng Ngãi đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đơn khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Trường G đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trường G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là xã I, tỉnh Quảng Ngãi) theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2012 ngày 04 tháng 12 năm 2012 là đúng theo quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện về kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trường G là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị T đã bỏ đi từ đó đến nay và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nội dung mâu thuẫn và sống ly thân anh G cũng thống nhất và anh đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn với anh G, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về con chung: Đối với 01 con chung tên là cháu Nguyễn Trường Giang P, sinh ngày 19/9/2012. Chị Nguyễn Thị T đề nghị Toà án giao cháu P cho anh

Nguyễn Trường G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh G.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly thân cho đến nay cháu Nguyễn Trường Giang P vẫn sống cùng anh Nguyễn Trường G tại thôn F Đ, xã I, tỉnh Quảng Ngãi. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P vẫn được đảm bảo. Tại bản tự khai cháu P khai cháu ở với bố từ nhỏ cho đến nay và cháu P vẫn có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Nguyễn Thị T giao con chung là cháu Nguyễn Trường Giang P, sinh ngày 19/9/2012 cho anh Nguyễn Trường G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy anh G đồng ý việc nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, các đương sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đề ngày 06/01/2026.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường Giang P, sinh ngày 19/9/2012 cho anh Nguyễn Trường G trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000389 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2026) nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Chi cục THA khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- UBND xã Ia Chim.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đồng Thị Bình